

Phật lại nói với Phạm chí:

“Bấy giờ, Thiện Tú kia sau khi qua đèm khoác y cầm bát vào thành khát thực. Khi ấy Thiện Tú kia hướng đến các Bà-la-môn, Sa-môn, Phạm chí trong thành Tỳ-xá-ly kể đủ câu chuyện rằng: ‘Phạm chí Ba-lê Tử ở giữa đại chúng đã tuyên bố lời này: ‘Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại uy lực; ta cũng có đại uy lực. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có đại thần túc. Ta cũng có đại thần túc. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’ Nhưng nay Sa-môn Cù-đàm sẽ đi đến chỗ Ba-lê Tử kia. Các vị cũng đến đó hết.’

“Khi ấy Phạm chí Ba-lê đang đi trên đường; Thiện Tú trông thấy, vội vã đến gần, nói rằng: ‘Ông ở giữa đám đông của Tỳ-xá-ly đã tuyên bố như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’ Sa-môn Cù-đàm nghe lời tuyên bố ấy, nay muốn đến chỗ ông. Ông hãy về nhanh đi.’ Đáp rằng: ‘Ta sẽ về ngay. Ta sẽ về ngay.’ Nói như thế rồi, giây lát cảm thấy hoảng sợ, lông tóc dựng đứng, không trở về chỗ cũ, mà đi đến khu rừng của Phạm chí Đạo-đầu-ba-lê¹, ngồi trên võng², rầu rĩ, mê loạn.”

Phật bảo Phạm chí:

“Ta, sau bữa ăn, cùng với nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ, đi đến trú xứ của Ba-lê-tử, ngồi lên chỗ ngồi. Trong đám đông ấy có một Phạm chí tên là Giá-la³. Khi ấy, mọi người kêu Giá-la, bảo rằng: ‘Ông hãy đi đến rừng Đạo-đầu nói với Ba-lê Tử: ‘Nay nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xưng lên lời này: ‘Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’ Sa-môn Cù-đàm vì vậy đã đến nơi rừng của ông. Ông hãy đến xem.’ Rồi thì, Giá-la sau khi nghe mọi người nói, bèn đi đến rừng bảo Đạo-đầu Ba-lê Tử rằng: ‘Nay nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người

1. Đạo-đầu-ba-lê Phạm chí lâm 道頭波梨梵志林; Pāli: Tindukkhānu-paribbāja-ka-ārāma.
2. Hán: thăng sàng 繩床; Pāli: vattha-dolā.
3. Giá-la 遮羅.

cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xưng lên lời này: ‘Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’ Sa-môn Cù-đàm nay đang ở nơi rừng kia. Ba-lê, ông có về không?’ Khi ấy, Phạm chí Ba-lê liền đáp: ‘Sẽ về. Sẽ về.’ Nói như vậy xong, ở trên võng mà day trở không yên. Bấy giờ, võng lại làm cho vương chân, khiến ông không thể rời khỏi võng, hướng hồ đi đến Thế Tôn.

“Thế rồi, Già-la nói với Phạm chí Ba-lê: ‘Người tự vô trí, chỉ có tiếng nói rỗng không: ‘Sẽ về. Sẽ về.’ Nhưng cái võng ấy còn không thể rời khỏi, sao có thể đi đến chỗ đại chúng?’ Trách mắng Ba-lê Tử xong, bèn trở về chỗ đại chúng, báo rằng: ‘Ta nhân danh đại chúng, đi đến nói với Ba-lê Tử. Y trả lời: ‘Sẽ về. Sẽ về.’ Ngay lúc ấy, ở trên võng, chuyển động thân thể, nhưng võng dính vào chân không rời được. Y còn không thể rời khỏi cái võng, sao có thể đến đại chúng này được?’

“Bấy giờ, có một Lê-xa Tử là Đầu-ma⁴ đang ngồi trong chúng, liền đứng dậy, trích áo bày vai phải, quỳ dài, chấp tay, bạch đại chúng rằng: ‘Đại chúng hãy đợi một lát. Tôi sẽ tự mình đến dẫn người ấy lại đây’.”

Phật nói:

“Ta khi ấy nói với Lê-xa Tử Đầu-ma rằng: ‘Người kia đã tuyên bố như vậy, ôm giữ kiến giải như vậy, khởi kiêu mạn như vậy; mà muốn khiến cho người ấy đi đến chỗ Phật, thì không thể được. Đầu-ma Tử, giả sử ông lấy dây quấn nhiều lớp, rồi khiến bầy bò cùng kéo, cho đến thân thể người ấy bị rã rời, cuối cùng người ấy vẫn sẽ không thể từ bỏ lời nói như vậy, kiến giải như vậy, kiêu mạn như vậy, để đến chỗ Ta. Nếu không tin lời Ta, người hãy đến đó tự mình khắc biết.’

“Bấy giờ, Lê-xa Tử Đầu-ma vẫn cố đi đến chỗ Ba-lê Tử, nói với Ba-lê Tử rằng: ‘Nhiều người Lê-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xưng lên lời này: ‘Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’ Sa-môn Cù-đàm nay đang ở nơi rừng kia. Ông hãy về đi.’ Lúc ấy, Ba-lê Tử đáp: ‘Sẽ về. Sẽ về.’ Nói như vậy rồi, ở trên võng mà chuyển động thân mình, nhưng khi ấy võng lại vương vào chân, khiến ông không thể rời khỏi võng, hướng nữa là đi

⁴ Bản Hán: nhất Đầu-ma Lê-xa Tử 一頭摩隸車子; bản Pāli: aññatara Licchavi-mahāmatta, một đại thần người Lê-xa.

đến chỗ Thế Tôn.

“Thế rồi, Đâu-ma nói với Ba-lê Tử rằng: ‘Người tự vô trí, chỉ có tiếng nói rỗng không: Sẽ về, sẽ về. Nhưng tự mình còn không thể rời khỏi cái vũng này, đâu có thể đi đến chỗ đại chúng!’

“Đâu-ma lại nói với Ba-lê Tử: ‘Những người có trí, do thí dụ mà được hiểu rõ. Thuở xưa lâu xa có một sư tử chúa tể loài thú sống trong rừng sâu. Vào buổi sáng sớm, sư tử ra khỏi hang, nhìn ngắm bốn phía, vươn mình rống lên ba tiếng, sau đó rảo quanh kiếm thịt mà ăn. Nay Ba-lê Tử, sư tử chúa tể loài thú kia ăn xong rồi trở về rừng, thường có một con dã can đi theo sau ăn tàn, khí lực sung mãn, bèn tự bảo: Sư tử trong rừng kia cuối cùng là con thú gì? Hơn ta được chăng? Nay ta hãy độc chiếm một khu rừng, sáng sớm ra khỏi hang, nhìn quanh bốn phía, vươn mình rống lên ba tiếng, sau đó rảo quanh. Nó muốn học tiếng rống sư tử, nhưng lại ré lên tiếng dã can. Nay Ba-lê Tử, người nay cũng vậy. Nhờ uy đức của Phật mà sống còn ở đời, được người cúng dường; nhưng nay lại tranh đua với Như Lai.’ Rồi Đâu-ma nói bài kệ chỉ trích:

*Dã can xưng sư tử
Tự cho mình vua thú
Muốn rống tiếng sư tử
Lại ré tiếng dã can.
Một mình trong rừng vắng
Tự cho mình vua thú
Muốn rống tiếng sư tử
Lại ré tiếng dã can.
Quy xuống kiếm chuột hang,
Tha ma tìm xác chết;
Muốn rống tiếng sư tử,
Lại ré tiếng dã can.*

“Đâu-ma nói rằng: ‘Người cũng vậy. Nhờ ơn Phật mà sống còn ở đời, được người cúng dường; nhưng nay lại tranh đua với Như Lai.’ Khi ấy Đâu-ma lấy bốn thí dụ, trách mắng thẳng mặt, sau đó, trở về chỗ đại chúng, báo rằng: ‘Tôi đã nhân danh đại chúng đi gọi Ba-lê Tử. Kia trả lời tôi: ‘Sẽ về. Sẽ về.’ Rồi ở trên vũng chuyển động thân, nhưng vũng liền vững chân không thể rời ra được. Kia còn không thể rời khỏi vũng, nói gì chuyện đi đến đại chúng này.’

“Bấy giờ Thế Tôn nói với Đâu-ma: ‘Ta đã nói trước với người, muốn cho người ấy đi đến chỗ Phật, không thể được. Giả sử người lấy

sợi dây da bó nhiều lớp rồi cho bầy bò kéo, cho đến thân thể rã rời, cuối cùng kia vẫn không xả bỏ lời ấy, kiến giải ấy, kiêu mạn ấy, để đi đến Ta.’

“Này Phạm chí, bấy giờ, Ta liền thuyết nhiều pháp khác nhau cho đại chúng, chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ. Ở trong chúng, ba lần cất tiếng rống sư tử, rồi cất mình bay lên hư không, Ta trở về chỗ cũ.”

Phật nói với Phạm chí:

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: ‘Tất cả thế gian đều do Phạm tự tại thiên⁵ sáng tạo.’ Ta hỏi họ: ‘Hết thủy thế gian có thật do Phạm tự tại thiên sáng tạo chăng?’ Họ không thể đáp, mà lại hỏi Ta rằng: ‘Cù-đàm, sự ấy là thế nào?’ Ta trả lời họ: ‘Có một thời gian, khi thế giới này bắt đầu hủy diệt, có những chúng sanh khác mà mạng hết, hành hết, từ trời Quang âm mạng chung, sanh vào chốn Phạm thiên trống không⁶ khác; rồi khởi tham ái đối với chỗ ấy, sanh tâm đấm trước, lại mong muốn có chúng sanh khác cũng sanh đến chỗ này. Những chúng sanh khác khi mạng hết, hành hết, lại sanh vào chỗ này. Bấy giờ, chúng sanh kia tự nghĩ như vậy: ‘Ta nay là Đại phạm vương, ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo. Ta có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của loài người. Ta đến đây trước nhất, một mình không bầu bạn; do năng lực của ta mà có chúng sanh này; ta sáng tạo ra chúng sanh này.’ Các chúng sanh khác cũng thuận theo, gọi đó là Phạm vương, ngẫu nhiên hiện hữu, có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người, là vị duy nhất hiện hữu trước, còn chúng ta hiện hữu sau; chúng ta do vị Đại phạm vương ấy sáng tạo.’ Các chúng sanh này tùy theo khi tuổi thọ của chúng hết, tái sanh vào đời này; rồi dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vị ấy nhập định ý tam-muội⁷, tùy tam-muội tâm⁸ mà nhớ đời sống trước

5. Phạm tự tại thiên 梵自在天; Pāli: Brahma-Issara (?).

6. Không Phạm xứ 空梵處; Pāli: suñña Brahma-vimāna, cung điện Phạm thiên trống không.

7. Hán: nhập định ý tam-muội 入定意三昧; Pāli: tathārūpaṃ ceto-samādhī phussati, nhập trạng thái định tâm.

8. Hán: tùy tam-muội tâm 隨三昧心; Pāli: samāhite citte, trong khi tâm nhập định.

của mình. Vị ấy nói như vậy: ‘Vị Đại phạm vương này ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo; có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa; tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới; có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người. Đại Phạm thiên kia thường trụ, không biến chuyển, không phải là pháp biến dịch. Chúng ta đều do Phạm thiên sáng tạo, cho nên không thường hằng, không tồn tại lâu dài, là pháp biến dịch.’ Như vậy, Phạm chí, các Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên này, thấy đều nói Phạm tự tại thiên sáng tạo thế giới này. Nay Phạm chí, sự sáng tạo của thế giới không phải là điều mà những vị ấy có thể vượt tới; duy chỉ Phật mới có thể biết. Lại còn vượt qua sự ấy, Phật cũng đều biết cả. Tuy biết nhưng không tham trước, mà biết một cách như thật về khổ, sự tập khởi, sự diệt khổ, vị ngọt, tai họa và sự xuất yếu; với bình đẳng quán mà giải thoát vô dư. Ấy gọi là Như Lai.”

Phật bảo Phạm chí:

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: ‘Chơi bời và biếng nhác là khởi thủy của chúng sanh⁹.’ Ta nói với họ: ‘Có thật các Người nói rằng: Chơi bời và biếng nhác là khởi thủy của chúng sanh?’ Họ không thể trả lời mà hỏi ngược lại rằng: ‘Cù-đàm, sự ấy là thế nào?’ Ta đáp: ‘Một số chúng sanh ở trời Quang âm do chơi bời và biếng nhác, khi thân hoại mạng chung, tái sanh vào thế gian này; rồi dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, cho đến khi nhập tâm định tam-muội¹⁰; do năng lực tam-muội, nhận thức được đời sống trước, bèn nói như vậy: ‘Các chúng sanh kia do không chơi bời biếng nhác nên thường hằng ở chỗ ấy, tồn tại lâu dài, không biến chuyển. Chúng ta do thường xuyên chơi bời dẫn đến pháp vô thường, biến dịch này.’ Như vậy, Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên ấy nói rằng tiêu khiển là khởi thủy của chúng sanh. Những điều ấy Phật biết tất cả, lại còn biết hơn thế nữa. Biết nhưng không đắm trước, do không đắm trước mà như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu; bằng bình đẳng quán mà giải thoát vô dư. Ấy gọi là Như Lai.”

Phật nói với Phạm chí:

⁹. Hàùn: hyù tieáu giải đāi thò chuòng sanh thủy 戲笑懈怠是眾生始; Pāli: khiḍḍā-padūsikaṃ ācariyakam aggaóoam, theo truyền thuyết, sự đam mê tiêu khiển là khởi nguyên của thế giới.

¹⁰. Ở trên, Hán dịch là định ý tam-muội; xem cht.34.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: ‘Thất ý¹¹ là khởi thủy của chúng sanh.’ Ta nói với họ: ‘Có thật các người nói rằng sự thất ý là khởi thủy của chúng sanh chăng?’ Họ không biết trả lời, bèn hỏi lại Ta rằng: ‘Cù-đàm, sự ấy thế nào?’ Ta nói với họ: ‘Một số chúng sanh do nhìn ngắm nhau một thời gian sau bèn thất ý; do thế, mạng chung tái sanh vào thế gian này; rồi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, bèn nhập tâm định tam-muội; do năng lực tam-muội vị ấy nhận thức được đời sống trước, bèn nói như vậy: Như chúng sanh kia do không nhìn ngắm nhau nên không thất ý, do vậy mà mà thường hằng bất biến. Chúng ta do nhiều lần nhìn ngắm nhau bèn thất ý; do thế dẫn đến pháp vô thường, biến dịch.’ Như vậy, Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên ấy nói rằng sự thất ý là khởi thủy của chúng sanh. Điều như vậy, duy Phật mới biết; lại còn biết hơn thế nữa. Biết nhưng không đấm trước; do không đấm trước mà như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu; do bình đẳng quán mà giải thoát vô dư.”

Phật nói với Phạm chí:

“Những điều Ta nói là như vậy. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ở chỗ kín chê bai Ta rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm tự cho rằng đệ tử mình chứng nhập tịnh giải thoát¹², thành tựu tịnh hạnh. Kia biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện¹³.’ Nhưng Ta không nói như vậy: ‘Đệ tử của Ta khi nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vị ấy biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện.¹⁴’ Nay Phạm chí, chính Ta nói rằng: ‘Đệ tử Ta nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; vị ấy biết thanh tịnh, tất cả đều thanh tịnh¹⁵.’”

¹¹. Hán: thất ý 失意, Pāli: mano-padūsika, loạn ý.

¹². Tịnh giải thoát 淨解脫, giải thoát thứ ba trong tám giải thoát; xem kinh số 10 “Thập Thượng”; Pāli: subha-vimokkha.

¹³. Tham chiếu Pāli: Samaṇo Gotamo evam āha: Yasmiṃ samaye subhaṃ vimokkhaṃ upasampajja viharati, sabbhaṃ tasmimṃ samaye asubhaṃ t’ eva sañjānāti, Sa-môn Gotama nói như vậy: vị nào khi chứng nhập và an trú tịnh giải thoát, vị ấy khi ấy nhận thức tất cả đều bất tịnh. Bản Hán, bất biến tri tịnh 不遍知淨, phải đọc: biến tri bất tịnh, mới phù hợp với Pāli.

¹⁴. Tham chiếu Pāli: Yasmiṃ samaye subhaṃ vimokkhaṃ upasampajja viharati, subhantveva tasmimṃ samaye pajānāti: vị nào khi chứng nhập và an trú tịnh giải thoát, vị ấy khi ấy nhận thức một cách toàn diện tất cả đều tịnh.

¹⁵. Hán: nhất thiết biến tịnh 一切遍淨; có lẽ nên đọc: nhất thiết biến tri tịnh. Xem cht.44 dưới.

Lúc bấy giờ, Phạm chí bạch Phật:

“Kia không được thiện lợi¹⁶ khi phỉ báng Sa-môn Cù-đàm rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm tự cho đệ tử của mình nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; kia biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện.’ Nhưng Thế Tôn không nói như vậy. Chính Thế Tôn nói: ‘Đệ tử ta nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; vị ấy biết thanh tịnh, tất cả đều tịnh.’”

Rồi lại bạch Phật:

“Tôi cũng sẽ nhập tịnh giải thoát này, thành tựu tịnh hạnh, tất cả đều biết một cách toàn diện¹⁷.”

Phật bảo Phạm chí:

“Người muốn nhập, quả thật rất khó. Người do kiến giải dị biệt, kham nhẫn dị biệt, sở hành dị biệt, mà muốn y trên kiến giải khác để nhập tịnh giải thoát, thì thật là quá khó. Nhưng nếu người tin vui nơi Phật, tâm không đoạn tuyệt, thì trong lâu dài sẽ luôn luôn được an lạc.”

Bấy giờ, Phạm chí Phòng-già-bà, sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.



¹⁶. Tham chiếu Pāli: Te ca, Bhante, viparītā ye bhagavantam viparītato dahanti: Đại đức, chính những người điên đảo lại chỉ trích Thế Tôn là điên đảo.

¹⁷. Hán: nhất thiết biến tri; xem cht.40; Pāli: Pahoti me Bhagavā tathā dhammam desetum, mong Thế Tôn giảng dạy cho con pháp như vậy.